

VÀI NÉT VỀ TRÀO LƯU “CHỦ NGHĨA MÁC MỚI”

Ở PHƯƠNG TÂY

TS. Nguyễn Chí Hiếu

Viện Triết học

Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

Có thể nói, từ khi chủ nghĩa Mác nói chung và chủ nghĩa xã hội nói riêng ra đời cho tới nay, do tầm quan trọng của những vấn đề lịch sử xã hội loài người được đặt ra trong đó và do địa vị lịch sử, ảnh hưởng ngày một gia tăng tương ứng của chúng, nên các tư tưởng gia ở phương Tây luôn cố gắng bày tỏ thái độ của mình đối với học thuyết Mác. Khó có thể trình bày được tỉ mỉ quan điểm của tất cả mọi học giả phương Tây về vấn đề này trong một bài viết, do vậy, chúng tôi sẽ dừng lại ở việc trình bày khái quát quan điểm của các học giả phương Tây về chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xã hội dựa trên cơ sở những đổi mới mà họ muốn đưa vào chúng và qua đó là những chỉnh lý mà theo họ là cần thiết để hoàn thiện chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xã hội.

Nói cách khác, nội dung của bài viết sẽ đề cập tới tổng thể những quan điểm triết học xã hội và kinh tế học đổi mới ở cuối thế kỷ XIX - thế kỷ XX trong lòng truyền thống bất nguồn từ Mác, tự đem mình đối lập với chủ nghĩa Mác chính thống. Chúng ta có thể gọi tất cả những quan điểm này bằng một tên gọi chung là “chủ nghĩa Mác mới”. Nó bao gồm các học thuyết chính trị và pháp lý, các

học thuyết mỹ học và văn hóa học, xã hội học, tâm lý học, tôn giáo học, tương lai học. Với tư cách một thuật ngữ xã hội, danh từ “chủ nghĩa Mác mới” bắt đầu được sử dụng vào đầu những năm 20 của thế kỷ XX: ví dụ như trong tác phẩm “*The World of Labour*” (London, 1913), G.D.Cole đã tiến hành phân loại các quan điểm mácxít mới. Có thể phân kỳ quá trình tiến hóa của chủ nghĩa Mác mới qua các giai đoạn như sau: Chủ nghĩa Mác mới sơ kỳ cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX; Chủ nghĩa Mác phương Tây (chủ nghĩa Mác mới) những năm 1920 - 1980 thế kỷ XX; Chủ nghĩa hậu Mác ở những năm cuối thế kỷ XX.

Chủ nghĩa Mác mới chỉ có ý nghĩa trong sự đối lập với “chủ nghĩa Mác cũ”. Định hướng ổn định nhất của nó là sự phi tín điều hóa: đầu tiên là đối với chủ nghĩa Mác quan phương thời đại Quốc tế II, sau đó là đối với những tác phẩm của Ăngghen và cuối cùng là hướng đến di sản lý luận của bản thân Mác. Chính di sản này được chủ nghĩa Mác mới đưa vào văn cảnh vấn đề của triết học và khoa học thế kỷ XX. Sự nổi dậy của chủ nghĩa Mác mới chống lại tín điều (canon) của chủ nghĩa Mác hoàn toàn đáp ứng định

hướng mang tính nguyên tắc của bản thân Mác, là người có thái độ hết sức hoài nghi đối với ý định rút từ học thuyết của ông một siêu khoa học, “lược đồ phổ quát” mà có thể khuôn cả vũ trụ, lịch sử và hoạt động tư tưởng tự do về đó. Mác nói với P.Lapharge: “*Tôi chỉ biết rằng tôi không phải là người mácxít*”.

Vốn đặc trưng cho tư duy lý luận của Mác, sự đoạn tuyệt không những với triết học truyền thống mà cả với khoa học cổ điển (“*Tư bản*” - tác phẩm chủ yếu của Mác hoàn toàn không phải ngẫu nhiên lại có phụ đề là “*Phê phán khoa kinh tế chính trị*”), vào cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, một số nhà tư tưởng ở châu Âu, không nằm trong số những người mácxít chính thống, đã ý thức được tính chất hậu cổ điển trong các quan điểm phương pháp luận của Mác một cách rõ ràng hơn các đại diện của chủ nghĩa Mác chính thống. Vào thời kỳ này, tại châu Âu và Bắc Mỹ đã bùng nổ sự quan tâm đến Mác: Th.Veblen giảng dạy chủ nghĩa Mác và dân chủ xã hội ở Chicago; B.Russell giảng về Mác ở Đại học Kinh tế và Khoa học chính trị London; A.Varner (ở Berlin) và E.Durheim (ở Paris) cùng bàn thảo về chủ nghĩa Mác; Tại Italia, B.Croche và J.Jentile viết các tác phẩm về Mác, W.Pareto xuất bản các đoạn trích “*Tư bản*” của Mác đã được chỉnh lý, F.Tennis xuất bản cuốn sách về Mác và trao đổi thư từ với Ăngghen; R.Stammler xuất bản hợp tuyển “*Kinh tế và pháp luật xét từ góc độ quan niệm duy vật về lịch sử*”; Tại nước Nga cuối thế kỷ XIX, một trong các

trào lưu tư tưởng xã hội lớn nhất là chủ nghĩa Mác hợp pháp với các đại biểu như: P.B.Struve, S.N.Bulgakov, N.A.Berdyayev, S.L.Frank, M.I.Tugan-Baranovsky, v.v... Tại Áo - Hung đã xuất hiện trường phái chủ nghĩa Mác Áo, các đại diện của nó là A.Adler và F.Adler, O.Bauer, R.Gilferding, K.Renner, sau đó là R.Rozdolsky. Tại Kেমbridge (Anh), vào đầu thế kỷ XX đã có một câu lạc bộ “Tông đồ” bí mật (G.Sigvich, B.Russell, J.I.Moore, Litton Strechi, I.M.Foster, J.M.Keyns, v.v...) và các tác phẩm của Mác đã được thảo luận tại các buổi sinh hoạt của câu lạc bộ; Nhà văn nổi tiếng người Tây Ban Nha, M. de Unamuno đã trở thành nhà mácxít vào khoảng thời gian này; Nhà sử học và xã hội học người Đức M.Weber đã có một đóng góp quan trọng cho việc làm sáng tỏ sự đặc thù của phương pháp của Mác và đã công bố những bài viết về Mác của ông và của các nhà mácxít trên “*Lưu trữ*” của mình. Nói cách khác, giới trí thức châu Âu đã bị lôi cuốn và chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi hiện tượng chủ nghĩa Mác mới rất phổ biến lúc bấy giờ.

Trong cuộc tranh luận quốc tế trước Thế chiến thứ Nhất, các đại diện kiệt xuất nhất của chủ nghĩa Mác mới đã chuẩn xác hóa được sự đặc thù về mặt tri thức luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử Mác, kiến tạo lại phương pháp luận của ông thông qua hệ thuật ngữ của lôgic học và lý luận nhận thức tiên nghiệm (Kant mới và một phần là hiện tượng học). Sự lý giải của M.Weber về di sản lý luận của Mác đã trở thành xuất phát

điểm cho hoạt động trí tuệ của thế hệ những người theo chủ nghĩa Mác mới sau chiến tranh, trước hết là Lukács (học trò của Weber).

Giống như chủ nghĩa Mác chính thống thời kỳ Quốc tế II, mang tính quốc tế xét về thực chất của mình và được các nhà lý luận ở nhiều nước châu Âu nghiên cứu, thì chủ nghĩa Mác mới cũng không biết đến ranh giới quốc gia. Bối cảnh này đã thay đổi triệt để trong thời kỳ Thế chiến I và đặc biệt là sau việc thành lập Quốc tế Cộng sản, mở ra cuộc vận động “bolshevik hóa” các đảng cộng sản phương Tây và phổ biến “chủ nghĩa Lênin tầm thường” (bị bóp méo) với tư cách hệ tư tưởng giải phóng duy nhất trong chúng.

Một giai đoạn mới của chủ nghĩa Mác mới (cái gọi là “chủ nghĩa Mác phương Tây”) đã bắt đầu từ năm 1923, khi mà cùng một lúc đã xuất hiện hai cuốn sách nổi tiếng: “*Lịch sử và ý thức giai cấp*” của Lukács và “*Chủ nghĩa Mác và triết học*” của K.Korsch, trong đó các tác giả đã đưa ra yêu cầu áp dụng chủ nghĩa Mác vào bản thân chủ nghĩa Mác (chủ nghĩa duy vật lịch sử vào chủ nghĩa duy vật lịch sử, phép biện chứng mácxít vào phép biện chứng mácxít). Sự lý giải như vậy về chủ nghĩa Mác đã được các nhà lý luận của chủ nghĩa Mác mới duy trì trong suốt thế kỷ XX (Nhà sử liệu học về “chủ nghĩa Mác phương Tây” người Anh P.Anderson đã trình bày quan điểm này trong các bài giảng “*Trên con đường của chủ nghĩa duy vật lịch sử*” vào nửa đầu những năm 80). Như vậy, trong lòng của

truyền thống mácxít đã bắt đầu hình thành khuynh hướng kiên định quan điểm siêu mácxít về chủ nghĩa Mác, theo đó chủ nghĩa Mác, với tư cách lý luận, đóng vai trò siêu lý luận của bản thân mình. Siêu chủ nghĩa Mác đã lịch sử hóa triệt để triết học, hoàn toàn loại bỏ truyền thống phân chia nó ra thành bản thể luận, lôgic học, lý luận nhận thức và đạo đức học, đặt lên hàng đầu phép biện chứng với tư cách triết học lịch sử và lý luận về ý thức (Theo Lukács, phép biện chứng chính là lý luận về lịch sử).

Với lôgic nội tại của quan điểm của mình, Lukács đã bắt buộc phải đoạn tuyệt về nguyên tắc với chủ nghĩa Mác chính thống thời kỳ Quốc tế II, kể cả với quan điểm của Ăngghen¹. Chủ nghĩa Mác mới nhất quán tuân theo cương lĩnh phương pháp luận này trong suốt 80 năm.

Sau khi công bố “*Lịch sử và ý thức giai cấp*”, đặc biệt là thiên quan trọng “*Vật hóa và ý thức vô sản*”, Lukács đã có các học trò (B.Phogarashi, Radvani, Revay) và các môn đệ ở châu Âu. Một trong những hoạt động chung của những người theo chủ nghĩa Mác mới do Lukács đứng đầu là việc thành lập “Viện hàn lâm mùa Hè” ở Turingie vào những năm 20 của thế kỷ XX. Bên cạnh Lukács, tham gia và sinh hoạt khoa học ở đây còn có hàng loạt nhà tư tưởng nổi tiếng, như Korsch, Veil, R.Zorge, K.Wittfogel, Phogarashi, F.Pollok, v.v...

¹ G.Lukács, *Lịch sử và ý thức giai cấp*, *Nghiên cứu phép biện chứng mácxít*. Berlin, 1970, tr. 63.

Sự phê phán đồng thời còn hướng tới việc chống lại các hạn chế và các biến thái trong tư duy sau Mác. Lukács luôn phê phán tính chất chủ quan của chủ nghĩa Stalin: Lý luận đã bị rút lại thành sách lược, các quyết sách đã chứa đựng sự tuyệt đối hoá giáo điều. Ông phê phán việc người ta đã bóp méo tư tưởng biện chứng của Mác khi chỉ nghiên cứu tách rời từng phương thức tồn tại và rút ra, tuyệt đối hoá các quan hệ có tính chất khái niệm để rồi sau đó lại "vận dụng" mối liên hệ có được ấy vào các loại tồn tại khác².

Trong điều kiện hình thành chuẩn tắc mácxít mới ở Nga – chủ nghĩa Lênin, sáng kiến về siêu chủ nghĩa Mác của Lukács và những người đồng chí của ông đã được lĩnh hội như một điều xuyên tạc và cần bị đập phá về mặt tư tưởng. Tại Đại hội lần thứ 5 của Quốc tế Cộng sản, quan điểm của Lukács và Korsch bị tuyên bố là quan điểm “chống mácxít”, còn họ thì bị quy tội là “chủ nghĩa xét lại về mặt lý luận”. Chủ nghĩa Mác đích thực ở những năm 20 được tuyên bố là chủ nghĩa Lênin như nó được Stalin và Bukharin lý giải. Tất cả những điều đó càng làm sâu sắc hơn đường phân định giữa chủ nghĩa Lênin tầm thường và chủ nghĩa Mác mới. Người ta thường coi đường phân định ấy là đường phân định giữa chủ nghĩa Mác phương Đông và chủ nghĩa Mác phương Tây.

Những kiến giải của Lukács về bản thể luận của triết học Mác nói chung được ông trình bày chủ yếu trong tác phẩm thuộc giai đoạn hậu kỳ với tiêu đề: “*Về bản thể luận của tồn tại xã hội*”³. Tác phẩm có tính chất tổng kết cuối đời này của Lukács đã được đánh giá rất cao. Nó chứng tỏ rằng Lukács đã thoát ra khỏi thứ chủ nghĩa Mác cấp tiến, tả khuynh trước kia và cho dù còn có những va đập về chính trị, nhưng về học thuật, ông vẫn bước trên con đường của chủ nghĩa Mác chân chính một cách chân thành với nhiều trăn trở tìm tòi. Trong điều văn tiễn đưa Lukács về nơi an nghỉ cuối cùng, giới triết học Liên Xô đã tôn vinh ông là “học giả và nhà tư tưởng kiệt xuất... có những cống hiến xuất sắc cho sự phát triển văn hoá của thế giới”. Năm 1983, trong Đề cương *Hungari kỷ niệm 100 năm ngày sinh G. Lukács*, Ủy ban Công tác chính sách Văn hoá của Trung ương Đảng Công nhân Xã hội chủ nghĩa Hungari đã suy tôn “G. Lukács là vĩ nhân của thế kỷ XX, đại biểu kiệt xuất của tư tưởng Mác - Lênin”⁴.

Giai đoạn tiến hóa tiếp theo của chủ nghĩa Mác mới là sự hình thành trường phái Frankfurt tại Viện nghiên cứu Xã hội ở Frankfurt (được Karl Grunberg thành lập năm 1923, do nhà sản xuất bánh mì giàu có Weil tài trợ) và tạp chí “Nghiên cứu xã hội”. Là người đứng đầu viện nghiên cứu này vào

³ Georg Lukács, *Về bản thể luận của tồn tại xã hội*, tập 1 và 2, do Frank Benseler chủ biên, Damstadt - Neuwied, 1984.

⁴ Xem: Phương Lựu, *Tư tưởng văn hoá nghệ thuật của chủ nghĩa Mác phương Tây*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2007, tr. 61.

² Xem thêm: Nguyễn Chí Hiếu, *Bản thể luận mácxít qua kiến giải của Georg Lukács*, Tạp chí Phát triển xã hội (1) 2009, tr. 15 – 18.

những năm 30, M.Horkheimer định trước hệ chuẩn nghiên cứu cho trào lưu này của chủ nghĩa Mác mới. Trong tiểu phẩm nổi tiếng *Lý thuyết truyền thống và lý thuyết phê phán* của mình và *Bổ sung* được viết nhân có sự xuất hiện bài tranh luận của G.Marcuse, Horkheimer nhấn mạnh “sự khác biệt giữa hai phương thức nhận thức” của Descartes được luận chứng trong “*Luận về phương pháp*” và của Mác được trình bày trong “*Phê phán khoa kinh tế chính trị*”, tức lý thuyết phê phán được ông hiểu là chủ nghĩa Mác theo tinh thần của bản thân Mác⁵.

Trường phái Frankfurt do Horkheimer đại diện đã lên tiếng chống lại chủ nghĩa quy giản kinh tế của các nhà lý luận mácxít tuân theo quy tắc: Nhiệm vụ của nhà nghiên cứu không phải là quy giản những hiện tượng thượng tầng kiến trúc về cơ cấu kinh tế của xã hội, mà là tách biệt chúng từ cơ cấu bao trùm tất cả và quyết định tất cả ấy (khi có sự thống trị của quan hệ tiền – hàng). Quan điểm này của Horkheimer đã được A.Sohn-Rethel nắm bắt vào đầu những năm 60 của thế kỷ XX khi tuyên bố rằng: “Phân tích hình thức hàng hóa bao hàm chiếc chìa khóa không những để phê phán khoa kinh tế chính trị mà còn để phê phán tư duy khái niệm trừu tượng”⁶. Trong số những cách tân mới của trường phái Frankfurt, cần phải kể tới việc hợp nhất nhân học và quan điểm Mác về hệ tư tưởng với phân tâm học và tâm lý học đại

chúng của S.Freud. Những tác phẩm quan trọng nhất trong lĩnh vực này thuộc về E.Fromm, G.Marcuse, T.Adorno (“Cá nhân quyền uy”) và W.Reich. Các đại diện của trường phái Frankfurt đã viết các tác phẩm nổi tiếng về lịch sử triết học (Marcuse, Horkheimer, Habermas, A.Smidt), tâm lý học xã hội, đạo đức học (Adorno, Habermas), lý thuyết giao tiếp (Habermas), triết học ngôn ngữ (W.Benjamin), lý thuyết âm nhạc, v.v... Nhưng lĩnh vực tìm tòi triết học đích thực của họ là triết học nghệ thuật, thẩm mỹ học và văn hóa học. Trong các lĩnh vực này, họ có những đóng góp rất đáng chú ý.

Vào những năm 20-30 thế kỷ XX, chủ nghĩa Mác mới đã thâm nhập vào các nước Địa Trung hải. Một trong các nhà lý luận chủ đạo của chủ nghĩa Mác phương Tây là thủ lĩnh của Đảng Cộng sản Italia, A.Gramsci. Về lý luận, ông đã dựa vào Lênin và Korsch. Ông đem quan điểm của mình về chính trị, triết học, văn hóa, lịch sử, về Machiavelli, Mác, Lênin và Korsch đối lập với “chủ nghĩa Lênin tầm thường” của Stalin và của Quốc tế Cộng sản. Quan điểm này đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến giới trí thức cánh tả ở phương Tây, đến chính trị học và xã hội học văn hóa. Sau Thế chiến II, G.Delle Volpe đã sáng lập một trường phái Mác mới, các học trò của ông là các đảng viên cộng sản Coletti, Merkeer, Petraner, Rossi, Cherroni, cũng như Bobbio. Trường phái này tan rã vào nửa sau những năm 70.

⁵ Xem: M.Horkheimer, *Lý thuyết phê phán*, Frankfurt./M., 1968, tr. 155.

⁶ A.Sohn-Rethel, *Lao động trí óc và lao động chân tay*, London, 1978, tr. 33.

Theo Gramsci, để có được một chiến lược cách mạng thật sự hướng tới thành công và sự trợ giúp của quần chúng, trước hết cần phải nhắm đến con người trong thế giới sống của họ và trong các mối quan hệ xã hội dân sự của họ, dần dần mở mắt cho họ thấy được bản chất của chế độ hiện tồn và làm cho họ hiểu được các mục tiêu phát triển của lịch sử và sự phân tích mácxít về các quan hệ xã hội thống trị tương ứng trong hiện thực. Vì vậy, các trí thức cách mạng không được phép tổ chức các cuộc đấu tranh chính trị từ trên xuống khi tự coi mình là các chiến lược gia chính trị và là "đội tiên phong" mà họ phải bắt đầu từ dưới trong bản thân thế giới sống của con người với tư cách là "các trí thức tổ chức", cùng với họ tạo dựng một nền văn hoá giải phóng mới⁷.

Chỉ khi nào "sự độc quyền lãnh đạo" của ý thức xã hội chủ nghĩa đã đạt được trên bình diện văn hoá, thì dự án cải tạo cách mạng xã hội thông qua bản thân quần chúng lao động mới hướng tới thành công.

Phương án của Gramsci về việc chiếm đoạt dần dần quyền lãnh đạo văn hoá nhờ vào sự tích cực hoạt động trong các lĩnh vực thế giới đời sống và xã hội dân sự cũng như trong nội bộ "bộ máy văn hoá" của xã hội tư bản là có thể dung hợp với các điều kiện của một nền dân chủ chính trị. Nó mang lại các kinh nghiệm mới với các tác động của một nền văn hoá đại chúng và vai trò của nó trong việc bảo đảm sự thống trị giai cấp tư

bản chủ nghĩa trên một khái niệm có thể chấp nhận được. Bởi vậy, nó đã có ảnh hưởng mạnh mẽ tới các trí thức cánh tả trong các đảng dân chủ xã hội và các đảng xã hội chủ nghĩa, trước hết là vào những năm 1970 và 1980.

Tư duy của Gramsci cũng biểu lộ ra là người tiên phong cho chủ nghĩa cộng sản châu Âu xuất hiện trong một số đảng của các nước vùng Địa Trung hải châu Âu, bắt đầu từ những năm 1970 trở đi. Theo nghĩa đó, nó có ảnh hưởng mạnh, kéo dài vài thập niên trong nội bộ phái cánh tả Tây Âu. Còn ngược lại, trong các Đảng Cộng sản cầm quyền cũng như trong các cuộc tranh luận cộng sản chủ nghĩa do các đảng ấy định hướng thì các ý tưởng của Gramsci lại không thể có vai trò nào.

Tại Pháp, vào cuối những năm 20, chủ nghĩa Mác mới là công việc của những nhà mácxít riêng lẻ, thậm chí ngay trong Đảng Cộng sản Pháp, các nhà lý luận mácxít có trình độ cũng chỉ xuất hiện vào cuối những năm 20 (A.Lefere, Nizan, J.Polixer, Fridmen, v.v.). Một trào lưu tư tưởng khác chuyển biến thành chủ nghĩa Mác mới ở những năm 50-70 của thế kỷ trước, có cội nguồn của mình là hoạt động triết học của A.Caure và học trò của ông là A.Kogiev. Chính J.P.Sartre, M.Merleau-Ponty, R.Aron, v.v. đã nghe A.Kogiev giảng bài về "*Hiện tượng học tinh thần*" của Hêghen vào những năm 30. Trung tâm những nỗ lực tinh thần của những người theo chủ nghĩa Mác mới ở Pháp thế hệ Sartre là việc nghiên cứu nhân

⁷ Xem thêm: Thomas Mayer, *Chủ nghĩa xã hội*, Wiesbaden, 2008, tr. 72.

học triết học dựa trên việc tích hợp chủ nghĩa Mác phương Tây và chủ nghĩa hiện sinh vô thần. “*Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*” của Mác đã trở nên phổ biến ở Pháp nhờ công việc dịch thuật của Lefere và Houtherman, nó quy định nội dung tác phẩm “*Chủ nghĩa duy vật và cách mạng*” (1947) có định hướng mácxít của Sartre. Trong tác phẩm “*Phê phán lý tính biện chứng*”, Sartre tuyên bố chủ nghĩa Mác là “nhân học duy nhất có thể, cần phải đồng thời trở thành nhân học lịch sử và nhân học cấu trúc”, song ông cũng trách cứ những người mácxít “luời nhác” vì họ “hoàn toàn bỏ qua mục đích của con người”; Theo Sartre, sứ mệnh chân chính của chủ nghĩa hiện sinh là “hoàn lại con người cho chủ nghĩa Mác”⁸.

Nhờ hoạt động của giới trí thức tập trung xung quanh Sartre, cũng như nhờ tạp chí “*Les Temps Modernes*” và những người truyền bá quan điểm mácxít, mà các nhà mácxít mới ở Pháp (R.Barth, K.Lévy-Strauss, M.Foucault, J.Lacan, v.v.) đã đánh giá cao triết học Mác. Song, việc thay thế hệ chuẩn tư duy mácxít mới trước hết là công lao của L.Althusser và trường phái của ông. Trong các tác phẩm “*Bảo vệ Mác*” và “*Đọc Tư bản*”, ông đã tham gia vào chiến dịch phê phán do Levy-Strauss khởi xướng nhằm chống lại chủ nghĩa nhân văn và chủ nghĩa duy lịch sử của Sartre. Trong tác phẩm “*Bảo vệ Mác*”, Althusser khẳng định rằng, từ năm 1845, Mác đã hoàn toàn đoạn tuyệt với hệ

vấn đề con người và bản chất con người, bỏ qua không những chủ nghĩa nhân bản Phoiobắc, mà cả kỳ vọng của chủ nghĩa nhân văn nói chung với tư cách hệ tư tưởng: “Chủ nghĩa nhân văn về mặt lý luận là xuất phát điểm của triết học Mác”⁹. Việc đoạn tuyệt với chủ nghĩa nhân văn và nhân học mácxít mới của Althusser gắn liền với việc phủ định chủ nghĩa duy lịch sử mácxít mới của Lukács và Gramsci.

Thừa nhận ý nghĩa lịch sử quan trọng của phạm trù “tổng thể” trong di sản lý luận của Mác, thông qua Hêghen, Althusser đã quy nó về “Tinh thần của pháp luật” của Montesquier mà ông coi là người khám phá ra tổng thể xã hội. Song, nhìn chung quan điểm độc đáo của Althusser không phải bắt nguồn từ Montesquier, Hêghen và Mác, mà bắt nguồn từ Spinoza. Ông coi triết học Spinoza là “cách mạng lý luận chưa từng có trong lịch sử triết học, là cách mạng triết học có thể của mọi thời đại”¹⁰. Althusser xem cơ sở kinh tế như là cấu trúc không quan sát thấy, vô thức, được tổ chức theo nguyên tắc lưỡng đề, chỉ được kiến tạo nhờ các phương tiện lý luận.

Hệ tư tưởng được Althusser phân tích theo phương pháp phân tâm học của Freud và Lacan, xem xét nó như biểu hiện của cái vô thức cần được giải mã. Theo Althusser, tất cả mọi xã hội người đều tách biệt hệ tư tưởng như là thành tố và bầu không khí vô cùng cần thiết cho cuộc sống lịch sử của họ.

⁸ J.-P.Sartre, *Phê phán lý tính biện chứng*, Paris, 1960, tr. 59.

⁹ L.Althusser, *Bảo vệ Mác*, Paris, 1965, tr. 238.

¹⁰ L.Althusser, *Đọc Tư bản*, Paris, 1968, tr. 3.

Vốn được cái vô thức định trước, hệ tư tưởng không có lịch sử giống như cái vô thức của Freud, nó là bất biến xét về mặt cấu trúc và chức năng trong xã hội và thể hiện không hẳn là hình thái ý thức, mà chủ yếu là hệ thống những tác động nhân quả độc lập với ý thức. Do vậy, xã hội không có giai cấp vẫn giữ lại lĩnh vực kinh nghiệm vô thức từng trải, hệ thống những sai lầm và lừa dối như những cái cần thiết để đảm bảo sự thống nhất sống còn của cơ cấu xã hội vô hình và bất khả tri đối với cá nhân. Cùng với sự ra đi của các nhà triết học lớn theo chủ nghĩa Mác phương Tây, nó cũng chấm dứt tồn tại của mình vào nửa sau những năm 70 thế kỷ XX.

Giai đoạn tiến hóa cuối cùng của chủ nghĩa Mác mới là chủ nghĩa hậu Mác quốc tế phát triển những năm 80 - 90 ở châu Âu. Nằm trong bối cảnh chủ nghĩa hậu hiện đại, chủ nghĩa hậu Mác không coi trọng khác biệt giữa chủ nghĩa Mác phương Tây và chủ nghĩa Mác phương Đông. Nó mã hóa hoàn toàn hệ chuẩn mácxít trong triết học được quan niệm là “tự do”, có quan hệ với chính trị không phải về mặt ý thức hệ và đạo đức, mà về mặt ngôn ngữ thuần túy.

Tóm lại, trong bối cảnh giao lưu, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đặc biệt là trong “thế giới phẳng” cùng quá trình toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ ngày nay, để hiểu được những người phương Tây với thế giới quan, phương thức tư duy và hành động của họ, chúng ta không thể “bế quan tỏa cảng” về tư tưởng, mà cần phải nghiên cứu một cách sâu sắc và căn bản các tư tưởng triết học phương Tây thế kỷ XX đến nay. Ý nghĩa cơ bản của việc nghiên cứu các trào lưu tư tưởng phương Tây hiện đại nói chung và “chủ nghĩa Mác mới” nói riêng không chỉ thể hiện ở việc nâng cao hiểu biết và năng lực tư duy lý luận, mà còn thể hiện ở chỗ cho đến nay chúng vẫn còn có những ảnh hưởng đáng kể, vẫn còn tiếp tục để lại những dấu ấn trong cuộc sống đương đại của các quốc gia phương Tây. Những nghiên cứu này còn góp phần vào việc hoạch định chính sách ngoại giao, hợp tác văn hóa với các nước phương Tây theo phương châm “biết mình, biết người”, “càng nghiên cứu người thì lại càng hiểu ta hơn”, biết “gạn đục, khơi trong”, tiếp thu một cách có phê phán những thành tựu văn hóa tinh thần của thế giới.